TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12-ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/DSST
Ngày: 11/02/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thùy Linh
Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận
Ông Trần Đức Hoà

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân khu vực 12 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Đàm Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09, 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/TLST-DS ngày 12/02/2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Văn Thanh B, sinh năm 1975 (có mặt)
Chị Thới Nữ Ngọc K, sinh năm 1995 (có mặt)
Trú tại: thôn B, xã N, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Anh Lê M, sinh năm 1968 (có mặt)
Cư trú tại: thôn C, xã N, tỉnh Đồng Nai.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 (có mặt)
Cư trú tại: thôn C, xã N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 12/02/2025 và quá trình thụ lý vụ án các nguyên đơn anh Võ Văn Thanh B, chị Thới Nữ Ngọc K trình bày:

Vào ngày 26/11/2020 vợ chồng anh Võ Văn Thanh B, chị Thới Nữ Ngọc N có cho anh Lê M vay số tiền là 100.000.000đ, thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng, không lãi suất, có viết giấy tay anh M ký và điểm chỉ trong giấy vay tiền, không biết anh M sử dụng số tiền vay vào việc gì; đến hạn trả nợ anh M không thực hiện việc trả tiền, vợ chồng anh B, chị N đã đòi nhiều lần, liên tục đến nay nhưng anh M cũng không thực hiện việc trả nợ; nay anh B, chị N khởi kiện đến Toà án yêu cầu anh M trả số tiền đã vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu

đồng) và tiền lãi từ ngày quá hạn tức ngày 27/12/2020 tạm tính đến ngày 27/01/2026, với mức lãi suất là 0,83%/tháng là 60.756.000đ và tiếp tục tính lãi đến khi thực hiện xong việc trả nợ. Ngoài ra, không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Lê M trình bày: Anh Lê M không thừa nhận khoản nợ ngày 26/11/2020 với số tiền 100.000.000đ như vợ chồng anh B, chị N trình bày mà anh M cho rằng trước đây không nhớ thời gian anh M có vay của anh B, chị N duy nhất một lần là 50.000.000đ, có viết giấy vay nhưng sau đó vợ anh là chị Nguyễn Thị H đã trả đủ số tiền gốc đã vay là 50.000.000đ cho anh B, chị N, chỉ còn nợ lại số tiền lãi là 24.000.000đ, anh M thừa nhận trong thời gian qua anh B, chị N có đòi nợ anh M nhiều lần, đặc biệt trong năm 2024 anh B, chị N đòi gây áp lực, xô sát với anh M nhưng anh M nghĩ là đòi số tiền lãi 24.000.000đ, không biết là đòi khoản tiền 100.000.000đ; anh M không thừa nhận chữ ký, chữ viết, dấu vân tay trong giấy vay tiền ngày 26/11/2020, đề nghị được giám định nếu đúng chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của anh M thì anh sẽ trả tiền cho anh B, chị N; tại phiên toà anh Lê M không đồng ý trả tiền 100.000.000đ, không đồng ý trả lãi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H trình bày: anh Lê Muộn C chị H không vay khoản tiền 100.000.000đ vào ngày 26/11/2020 như vợ chồng anh B, chị N trình bày; thừa nhận trong thời gian quan vợ chồng chị có vay của anh B, chị N khoản tiền 50.000.000đ nhưng chị H đã trả đủ, chỉ còn nợ lại tiền lãi; chị H không đồng ý với yêu cầu của anh B, chị N.

Tài liệu chứng cứ giao nộp: các nguyên đơn giao nộp như trong hồ sơ vụ án; ngoài ra nguyên đơn, các bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12-Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn; buộc bị đơn anh Lê M trả cho vợ chồng anh B, chị N số tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi là 60.756.000đ (tính lãi đến ngày 27/01/2026).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Xét về yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn vợ chồng anh B, chị N yêu cầu ông Lê M trả khoản tiền vay là 100.000.000đ và lãi suất là 60.756.000đ; tổng cộng là 160.756.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của các đương sự không thống nhất về sự việc vay tiền; phía các nguyên đơn cho rằng vào ngày 26/11/2020 vợ chồng anh B, chị N có cho anh Lê M vay số tiền là 100.000.000đ, thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng, không lãi suất, có viết giấy tay anh M ký và điểm chỉ trong giấy vay tiền; tuy nhiên đến hạn trả nợ anh M không thực hiện việc trả tiền, vợ chồng anh B, chị N đã đòi nhiều lần, liên tục đến nay nhưng anh

M cũng không thực hiện việc trả nợ. Phía anh M không thừa nhận khoản nợ ngày 26/11/2020 với số tiền vay 100.000.000đ như vợ chồng anh B, chị N trình bày mà anh M cho rằng trước đây không nhớ thời gian anh M có vay của anh B, chị N duy nhất một lần là 50.000.000đ, có viết giấy vay nhưng vợ anh là chị Nguyễn Thị H đã trả, chỉ còn nợ lại số tiền lãi là 24.000.000đ, anh M thừa nhận trong thời gian qua anh B, chị N có đòi nợ anh M nhiều lần nhưng anh M nghĩ là đòi số tiền lãi 24.000.000đ, không biết là đòi khoản tiền 100.000.000đ; nay anh M không đồng ý với các yêu cầu của anh B, chị N.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các nguyên đơn giao nộp là "Giấy mượn tiền" ghi ngày 26/11/2020, có chữ ký, chữ viết, dấu vân tay ghi tên "Lê Muộn" bên người mượn; do các đương sự không đồng ý về sự việc vay tài sản nên yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay anh Lê M, sau khi anh M cung cấp các mẫu đối chiếu, giám định, Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng đã tiến hành trưng cầu giáp định theo yêu cầu của anh M tại Phòng K1 Công an tỉnh B, kết quả do mẫu giám định không đủ yếu tố giám định, do đặc điểm riêng trên mẫu ít nên hoàn trả lại và đề nghị Tòa án xác lập hồ sơ lên tuyến trên để tiếp tục giám định; sau đó phía các nguyên đơn anh B và chị N đã có đơn đề nghị giám định ở cấp cao hơn; Tòa án nhân dân khu vực 12-Đồng Nai đã tiếp tục giử các mẫu giám định đến Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh để trưng cầu giám định, kết quả theo Kết luận số 611/1/KL – KTHS ngày 11/11/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận *"Chữ ký, chữ viết đứng tên Lê M tại mục "Bên mượn" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê M trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký, viết ra*"; về dấu vân tay theo kết luận số 611/KL-KTHS ngày 26/9/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận "Hai dấu vân tay dưới mục "bên mượn" mang họ tên Lê M trên các mẫu giám định (ký hiệu A) bị mờ nhòe, không thể hiện được hình chung và các đặc điểm riêng nên không đủ yêu tố giám định truy nguyên.

Như vậy, căn cứ Kết luận số 611/1/KL – KTHS ngày 11/11/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, xác định được chữ ký, chữ viết trên giấy mượn tiền là do anh Lê M ký và viết ra, do đó có căn cứ xác định được anh M có vay của vợ chồng anh B, chị N khoản tiền 100.000.000đ, vay có thời hạn, không có lãi suất; đến hạn không trả, các bên thừa nhận anh B, chị N liên tục đòi nợ đến nay; anh M cho rằng có đòi nhưng là đòi số tiền lãi 24.000.000đ, tuy nhiên anh M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh; do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với số tiền vay, về lãi suất căn cứ khoản 4 Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự được tính với mức lãi suất là 0,83%/tháng kể từ thời gian chậm trả (từ ngày 27/12/2020 đến 27/01/2026 là 61 tháng x 100.000.000đ x 0,83% = 60.756.000đ cần chấp nhận.

Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 12 - Đồng Nai, về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí, chi phí tố tụng: Buộc các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 91, 96, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn anh Võ Văn Thanh B, chị Thới Nữ Ngọc K; buộc anh Lê M trả cho vợ chồng anh B, chị N số tiền đã vay là 100.000.000đ và 60.756.000đ tiền lãi tính đến ngày 27/01/2026; tổng cộng là 160.756.000đ (Một trăm sáu mươi triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

2.Về án phí: Buộc anh Lê M nộp 8.037.800đồng (Tám triệu không trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm đồng) án phí DSST; hoàn trả lại cho anh B, chị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.580.000đồng (Bốn triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009596 ngày 12/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước nay là Phòng thi hành án khu vực 12- Đồng Nai.

Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay là 10.000.000đồng (Mười triệu đồng), anh Lê M đã nộp 5.000.000đồng, anh Lê M có nghĩa vụ trả qua cho vợ chồng anh Võ Văn Thanh B, chị Thới Nữ Ngọc K số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng).

3. Quyền kháng cáo bản án: Các nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án không tự giác thi hành, thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 466 và khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (12).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

LƯU THÙY LINH